TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 148/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 31 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B

Căn cứ Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1983; thường trú: D68Bis/A, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1985; thường trú: 269/4 Ngô Chí Quốc, Khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Minh Y tự nguyện quen biết, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường L, thành phố T, tỉnh B vào ngày 06/12/2007. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, sống không hạnh phúc. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà Y yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Minh Y có 01 người con chung là Huỳnh Nguyễn Khôi N, sinh ngày 15/9/2009. Ông T và bà Y thỏa thuận, sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Minh Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 4/2023.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Minh Y thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Y là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Minh Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Minh Y có 01 người con chung là Huỳnh Nguyễn Khôi N, sinh ngày 15/9/2009. Ông T và bà Y thỏa thuận, sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Minh Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Minh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 4/2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Minh Y phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004063 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường L, thành phố T, tỉnh B;
- Phòng Tư pháp thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Trần Trung Tín